

Bản án số: 05/2018/HSST
Ngày 12/10/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Lê Thị Thanh Thủy

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phan Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/2018/HSST ngày 16 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/HSST- QĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Triệu Văn Th, sinh ngày 17/4/1980 tại huyện K, Hòa Bình; Nguyên quán: xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: Xóm K, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình; Dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Tôn giáo: Không; Con ông: Triệu Tiến H và bà Triệu Thị C (đều đã chết); có vợ là: Dương Thị S, sinh năm 1982 và 02 con, lớn sinh năm 2001; nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Tạm giam, tạm giữ: Không

Bị cáo tại ngoại: Không có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn Th ông Nguyễn Hữu D - Trợ giúp viên Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 3 huyện K- Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình, có mặt.

Người bị hại:

1. Ông Dương Kim T, sinh năm 1957, vắng mặt

2. Bà Triệu Thị M, sinh năm 1960, có mặt

Cùng cư trú tại: Xóm K, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn U, sinh ngày 12/02/1974, vắng mặt có lý do

Nơi cư trú: Khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình

2. Anh Bùi Văn H, sinh ngày 16/5/1984, vắng mặt có lý do.

Nơi cư trú: Xóm Ng, xã Y, huyện C, tỉnh Hòa Bình

3. Anh Lê Văn H, sinh ngày 10/4/1982, vắng mặt có lý do.

Nơi cư trú: Phố B, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền để trả nợ nên khoảng 17 giờ ngày 19/3/2018. Triệu Văn Th quan sát thấy gia đình ông Dương Kim T và bà Triệu Thị M (là bố mẹ vợ Th) đi vắng nên Th đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền trả nợ. Khoảng 19 giờ cùng ngày Th đi bộ sang nhà bố, mẹ vợ thấy cửa chính khép, không khóa, điện trong nhà vẫn bật sáng, Th mở cửa đẩy vào, biết được chỗ mẹ vợ thường cất một số tài sản là bạc ở ngăn tủ tường phòng khách nên Th đi thẳng vào chỗ tủ mở cánh tủ, thò tay trái lấy túi ni lông màu hồng, trong đó có 04 chiếc vòng kiềng bằng bạc; 02 khuyên tai bằng bạc; 05 đồng tiền xu bằng bạc; 02 dây xà tích bằng bạc và 06 châm cài tóc bằng xương động vật. Sau khi lấy được tài sản Th đóng cửa tủ lại và mang toàn bộ tài sản trên về nhà cất giấu.

Sáng ngày 20/3/2018 Th mang toàn bộ số tài sản trên đến cửa hàng vàng bạc Duy U tại Khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình do anh Nguyễn Văn U làm chủ đặt vấn đề muốn cầm cố tài sản trên nhưng anh U không nhận cầm cố mà chỉ đồng ý mua với giá 5.000.000 đồng. Th đồng ý và nói với anh U sau 10 ngày Th sẽ đến mua lại, anh U đồng ý và viết giấy hẹn đến ngày 30/3/2018. Trong giấy hẹn Th lấy tên là B và địa chỉ khác.

Sau khi bán được tài sản Th đến cửa hiệu cho thuê xe máy, xe đạp điện tại Phố B, xã T, huyện C do anh Lê Văn H làm chủ trả tiền lãi cho nhân viên anh Bùi Văn H số tiền 4.600.000 đồng; còn lại 400.000 đồng Th đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 27/3/2018 Triệu Văn Th đến Công an huyện C đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 05/4/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C yêu cầu định giá tài sản số: 14 để xác định tổng trị giá tài sản Th chiếm đoạt gồm: 04 vòng bằng kim loại màu trắng đục; 02 sợi dây bằng kim loại màu trắng đục; 02 khuyên tai bằng kim loại màu trắng đục; 05 đồng xu màu xám bằng kim loại và 06 châm cài tóc màu nâu.

Ngày 08/5/2018 cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện C đã ra quyết định trưng cầu Viện ngọc học và trang sức DOJi giám định hàm lượng và trọng lượng đối với tài sản Th đã chiếm đoạt.

Ngày 09/5/2018 Viện ngọc học và trang sức DOJI có kết quả thử nghiệm xác định số tài sản giám định có hàm lượng chính là Bạc.

Tại Bản kết luận số 05 ngày 22/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cao Phong kết luận:

* 04 (bốn) vòng kiềng có trọng lượng 381, 97gr, trong đó hàm lượng Bạc (Ag) 66, 63%; hàm lượng Đồng (Cu) 33, 36%.

- Bạc (Ag) trọng lượng 253, 1gr (6,7 cây), có giá trị trên thị trường huyện C là: $6, 7 \times 450.000 \text{ đồng/cây} = 3. 015.000 \text{ đồng}$.

- Đồng (Cu) trọng lượng 128, 8 gr, có giá trị trên thị trường huyện C là $128, 8 \times 125.000 \text{ đồng/kg} = 16.000 \text{ đồng}$.

* 02 (hai) dây xà tích trọng lượng 129, 75gr, trong đó hàm lượng bạc (Ag) 94.95%; hàm lượng Đồng (Cu) 5, 04%.

- Bạc (Ag) trọng lượng 123, 2gr (3,2 cây), có giá trị trên thị trường huyện C là: $3, 2 \times 450.000 \text{ đồng/cây} = 1.440.000 \text{ đồng}$.

- Đồng (Cu) trọng lượng 6, 5gr, có giá trị trên thị trường huyện C là: $6,5 \times 125.000 \text{ đồng/kg} = 800 \text{ đồng}$.

* 02 (Hai) khuyên tai có trọng lượng 27, 53 gr, trong đó hàm lượng Bạc (Ag) là 99, 99%.

- Bạc (Ag) trọng lượng 27,53gr (0,73 cây), có giá trị trên thị trường huyện C là: $0,73 \times 450.000 \text{ đồng/cây} = 328.000 \text{ đồng}$.

* 05 (năm) đồng xu có tổng trọng lượng 26,26gr, trong đó trọng lượng Bạc (AG) tính tổng từ 5 đồng xu là 20,25 gr (0,54 cây), có giá trị trên thị trường huyện C là: $0, 54 \times 450.000 \text{ đồng/cây} = 243.000 \text{ đồng}$; Đồng (Cu) có tổng trọng lượng 5, 26gr có giá trị trên thị trường huyện C là: $5, 26 \times 125.000 \text{ đồng/kg} = 700 \text{ đồng}$.

* 06 (sáu) châm cài tóc bằng xương động vật (xương nai) có giá trị trên thị trường huyện Cao Phong là 300.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản, tại thời điểm ngày 20/3/2018 là: **5.343.500 đồng** (*Năm triệu, ba trăm bốn ba nghìn, năm trăm*) đồng.

Quá trình điều tra bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện C.

Bản cáo trạng số: 05/CT- VKSCP ngày 16/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố Triệu Văn Th về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Triệu Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu, do đến hạn không có tiền trả nợ nên bị cáo đã nảy sinh ý định và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Người bị hại ông Dương Kim T và bà Triệu Thị M đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, ông T, bà M khai bị cáo Th là con rể, để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn U, anh Bùi Văn H và anh Lê Văn H trình bày: Khi giao dịch mua bán, trả nợ, anh U, anh H, anh H không biết tài sản, tiền do phạm tội mà có. Anh U đã nhận đủ số tiền 5.000.000 đồng từ bị cáo Th và không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Văn Th mức án từ 06 đến 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì thêm nên không xem xét.

Tại phiên tòa trợ giúp viên pháp lý ông Nguyễn Hữu D trình bày: Bị cáo Triệu Văn Th có hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Triệu Văn Th mức án 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng:

1.1 Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Hòa Bình, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình thụ lý vụ án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ giấy triệu tập cho bị cáo Triệu Văn Th nhưng bị cáo Th không đến Tòa làm việc nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú và Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú

của bị cáo. Kết quả được biết hiện nay bị cáo Th đã bỏ đi khỏi địa phương, không báo gia đình và chính quyền địa phương biết. Ngày 17 tháng 8 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện C đã ra Công văn số: 01/2018/CV- TA yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Phong truy nã Triệu Văn Th. Ngày 27 tháng 8 năm 2018 Cơ quan điều tra Công an huyện C đã ra quyết định truy nã đối với Triệu Văn Th, đã hết thời hạn 01 tháng kể từ ngày có quyết định truy nã bị cáo Triệu Văn Th vẫn trốn tránh và việc truy nã không có kết quả. Căn cứ vào Thông tư số 13/2012/TTLT- BCA- BTP - VKSNDTC- TANDTC ngày 09/10/2012 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật thi hành án hình sự về truy nã và Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định.

2. Về nội dung:

2.1 Quá trình điều tra bị cáo Triệu Văn Th khai nhận: Khoảng 19 giờ ngày 19/3/2018 bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt: 04 chiếc vòng kiềng; 02 khuyên tai; 05 đồng xu; 02 dây xà tích (đều bằng bạc) và 06 châm cài tóc bằng xương nai. Tổng trị giá: 5.343.500 đồng (*năm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm*) đồng của ông Dương Kim T và bà Triệu Thị M, nơi cư trú: Xóm K, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình (BL 111, 113, 115, 117, 120, 121, 131, 132).

2.2 Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

2.3 Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự biết chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng nên cần phải có mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

3. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

3.1 Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

3.2 Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; người phạm tội đã tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo như lời đề nghị của người bào chữa tại phiên tòa.

3.3. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 15/6/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C tỉnh Hòa Bình đã trả lại cho bị hại ông Dương Kim T và bà Triệu Thị M: 04 chiếc vòng kiềng; 02 khuyên tai; 05 đồng xu; 02 dây xà tích (đều bằng bạc) và 06 châm cài tóc bằng xương nai. Bà M, ông T không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi chiếm đoạt tài sản bị cáo đã bán cho anh Nguyễn Văn U, được số tiền 5.000.000 đồng. Khi giao dịch mua bán anh U không biết tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập giải quyết, Bị cáo đã trả cho anh U đủ số tiền trên, anh U không có yêu cầu gì thêm.

Số tiền 4.600.000 đồng bị cáo trả nợ cho cửa hiệu cho thuê xe máy, xe đạp do anh Lê Văn H làm chủ, anh Bùi Văn H là người trực tiếp nhận số tiền trên. Xét anh H và anh H không biết tiền đó do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Về án phí: Bị cáo Triệu Văn Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo: Triệu Văn Th phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Xử phạt: Bị cáo Triệu Văn Th 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ tại Trụ sở ủy ban nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình
- Bị cáo

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Người bị hại
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- THADS huyện C;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO PHONG
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 12 tháng 10 năm 2018

Tại: Phòng Nghị án, Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Lê Thị Thanh Thủy

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Triệu Văn Thành, sinh ngày 17/4/1980

Nguyên quán: Kim Bôi, Hòa Bình

Nơi cư trú: Xóm Khạ, xã Tây Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3

Tuyên bố bị cáo: Triệu Văn Thành phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Kết quả biểu quyết 3/3

Xử phạt: Bị cáo Triệu Văn Thành 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Kết quả biểu quyết 3/3

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ tại Trụ sở ủy ban nơi thường trú.

Kết quả biểu quyết 3/3

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tên ☐ N⁽¹⁾
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

BIÊN BẢN NGHỊ ☐ N

Vào hồi giờ ngày tháng năm.....;

Tại: ⁽²⁾

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm: ⁽³⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông (Bà)

Thẩm phán: ông (Bà)

Tiến hành nghị án vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số :.../.../TLPT-HS
ngày tháng năm...đối với:

Bị cáo ⁽⁴⁾ sinh ngày tháng năm.....tại đó bị
Tòa án ⁽⁵⁾ xử phạt về tội (các tội) ⁽⁶⁾ theo điểm
(các điểm) khoản (các khoản) Điều (các điều) của Bộ luật Hình
sự với mức hình phạt ⁽⁷⁾

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đó đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả
tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH NH ☐ C VẤN ĐỀ CỦA VỤ ☐ N NHƯ SAU: ⁽⁸⁾

.....
.....

Nghị án kết thúc và vào hồi giờ phút....., ngày tháng năm.....

Biên bản nghị án đó đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng
xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN ☐ CHỦ TỌA PHIÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Tên

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện Cao Phong
- Công an huyện Cao Phong
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình
- Bị cáo
- Người bị hại
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- THADS huyện Cao Phong
- UBND xã Tây Phong
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Giao bị cáo Triệu Văn Thành cho Ủy ban nhân dân xã Tây Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú để Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo"

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO PHONG
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng, bà Nguyễn Thị Mai Hương

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 259 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Vào hồi 11 giờ, ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: Cao Mạnh Cường "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo: Cao Mạnh Cường phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Kết quả biểu quyết: 3/3;

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Cao Mạnh Cường 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2017.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về các vấn đề khác:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TOÀ □N NHÂN DÂN
THÀNH PH□ HOÀ BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH

C□NG HOÀ X□ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/2017/HSST-QĐTG

Hoà Bình, ngày..... tháng .. năm 2017

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:.....

.....

Căn cứ các điều 79, 80, 88 và 228 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày ... tháng năm 2017 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tạm giam bị cáo: **HOÀNG VĂN LỢI**, sinh ngày 04/5/1969

Nơi cư trú: Xóm 11, xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt.....tháng tù

Về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự.

Thời hạn tạm giam là 45 ngày (bốn mươi lăm ngày), kể từ ngày tuyên án

2. Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hoà Bình;
- CA thành phố Hoà Bình;
- CA tỉnh Hòa Bình
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình
- Bị cáo;
- Lu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/2017/TL-BAHS

Hòa Bình, ngày ...tháng .. năm 2017

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÌNH SỰ SƠ THẨM

Tại bản án hình sự sơ thẩm số/2017/HSST, ngày ...tháng ...năm 2017 của
Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, xét xử bị cáo:

Họ và tên: **HOÀNG VĂN LỢI**, sinh ngày 04/5/1969

Nơi cư trú: Xóm 11, xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình, tỉnh

Trình độ văn hóa: 7/12;

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông: Hoàng Văn Toàn (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tý, sinh năm 1932; có
vợ là: Nguyễn Thị Thương, sinh năm 1976 và 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh
năm 2006.

Phần hình phạt đã tuyên nh sau:

Xử phạt: Hoàng Văn Lợi.....tháng tù.

Về tội: Mua bán trái phép chất ma túy

Theo khoản 1 điều 194 của Bộ luật Hình sự

Nơi nhận:

- CA thành phố Hòa Bình
- Trại tạm giam Hòa Bình
- Bị cáo
- Lu HS + VT + LT

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH

